

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 1316 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA, GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

ĐẾN
Số đến: 2049
Ngày đến: 11/6/13

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 21/6/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét thi đua khen thưởng thành tích xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện đánh giá kết quả thi đua, xét khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. MT

Nơi nhận:

- TT Hội đồng TĐKT Trung ương;
- BCĐ NTM TW;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thành viên HĐ TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Khánh Hòa;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TL, CD. 99

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

QUY CHẾ

Xét thi đua, khen thưởng thành tích xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2011 - 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1316 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2013
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11/7/2011 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2015.

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về mục đích, nội dung và ý nghĩa của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ đó huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn thể xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Triển khai sâu rộng các nội dung và tiêu chí thi đua, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong cả hệ thống chính trị cùng tham gia xây dựng nông thôn mới với tinh thần thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

- Trong quá trình thực hiện có sơ, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các cấp các ngành từ tỉnh đến cơ sở.

- Việc bình xét thi đua khen thưởng đảm bảo trình tự thủ tục, dân chủ, công bằng, đối tượng được khen thưởng xứng đáng với thành tích mà tổ chức, cá nhân đã đạt được trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.

II. NỘI DUNG TIÊU CHUẨN THI ĐUA ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN, XÃ

1. Tiêu chuẩn thi đua đối với cấp xã

- Tổng số điểm chuẩn cho 41 chỉ tiêu của 19 tiêu chí (Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới) là 1.500 điểm.

1.1. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Đạt	Đã được phê duyệt Đang XD quy hoạch Chưa XD quy hoạch	100 50 0
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới	Đạt	Đã được phê duyệt Đang XD quy hoạch Chưa XD quy hoạch	100 50 0

	1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Đạt	Đã được phê duyệt Đang XD quy hoạch Chưa XD quy hoạch	100 50 0
--	--	-----	---	----------------

1.2. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	65%	+ Đạt 65 % trở lên + Từ 40 % đến <65% + Từ 20% đến <40 % + Dưới 20%	50 30 10 0
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	40%	+ Từ 40 % trở lên + Từ 30 % đến < 40% + Từ 20 % đến < 30% + Dưới 20 %	50 30 10 0
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	35%	+ Từ 35% trở lên + Từ 20 % đến <35% + Từ 10% đến <20 % + Dưới 10%	50 30 10 0
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100 %	+ Đạt 100 % trở lên + Từ 70 % đến < 100% + Từ 50 % đến < 70% + Dưới 50 %	50 30 10 0
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	+ Đảm bảo tốt yêu cầu sản xuất và đi lại + Cơ bản đảm bảo yêu cầu sản xuất và đi lại + Chỉ đáp ứng một phần hoặc đáp ứng yêu cầu mùa vụ	50 30 10
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương được kiên cố hóa	70%	+ Từ 70 % trở lên + Từ 50 % đến < 70% + Từ 30 % đến < 50% + Dưới 30 %	25 20 15 0
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	+ Đảm bảo tốt + Cơ bản đảm bảo + Chưa đảm bảo	20 15 0
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%	+ Đạt từ 98% trở lên + Từ 70 % đến <98 % + Từ 50 % đến <70 % + Dưới 50 %	20 15 5 0
5	Trường học	5.1. Tỷ lệ trường mầm non, mẫu giáo có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	60%	+ Từ 60 % trở lên + Từ 40 % đến < 60 % + Từ 20 % đến <40 % + Dưới 20 %	25 15 5 0

		5.2. Tỷ lệ trường tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	60%	+ Từ 60 % trở lên + Từ 40 % đến < 60 % + Từ 20 % đến < 40 % + Dưới 20 %	25 15 5 0
		5.3. Tỷ lệ trường THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	60%	+ Từ 60 % trở lên + Từ 40 % đến < 60 % + Từ 20 % đến < 40 % + Dưới 20 %	25 15 5 0
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt	+ Đã có và đạt chuẩn + Đã có và chưa đạt chuẩn + Chưa có	25 15 0
		6.2. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao áp đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%	+ Đạt 100% + Từ 70 % đến < 100% + Từ 30% đến < 70 % + Dưới 30%	25 15 10 0
7	Chợ nông thôn	Chợ quy hoạch đạt chuẩn theo quy định	Đạt	+ Có chợ đạt chuẩn + Có chợ chưa đạt chuẩn + Chưa có	25 15 10
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	+ Có + Không	20 0
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt	+ Có + Không	20 0
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	+ Không còn + Còn	50 0
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	100%	+ Đạt 100 % + Từ 80 % đến < 100% + Từ 50 % đến < 80 % + Dưới 50 %	25 15 5 0

1.3. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	23 triệu đồng/người	+ Đạt \geq 23 tr đ/người + Từ >16 đến <23 + Đạt \leq 16	100 50 10
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	5%	+ Đạt \leq 5 % + Từ > 5 % đến 10 % + Từ >10% đến 14% + Trên 14%	100 50 10 0
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động	\geq 90%	+ Đạt \geq 90% + Từ 70 % đến < 90% + < 70 %	25 15 0

13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	+ Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả + Không có	15 0
----	----------------------------	---	----	---	---------

1.4. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	+ Đạt + Đang triển khai + Chưa triển khai	25 15 0
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	85%	+ Từ 85 % trở lên + Từ 75% đến < 85% + Từ 60 % đến <75% + Dưới 60 %	25 15 5 0
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 35%	+ Đạt từ 35% trở lên + Từ 25% đến <35% + Dưới 25%	25 15 0
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	100%	+ Đạt 100% + Từ 80% đến < 100% + Từ 50% đến < 80 % + Dưới 50%	20 15 10 0
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	+ Đạt chuẩn + Chưa đạt	20 0
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH- TT-DL	Đạt	+ Đạt từ 70% trở lên + Từ 60% đến <70 % + Từ 50% đến <60 % + Đạt < 50%	20 15 5 0
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	95%	+ Đạt >= 95 % + Từ 80 % đến <95% + Từ 70 % đến <80% + Đạt < 70%	25 15 5 0
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	+ Các cơ sở đều đạt chuẩn + Còn không quá 2 cơ sở chưa đạt chuẩn + Còn trên 2 cơ sở chưa đạt chuẩn	25 10 0
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	+ Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường đồng thời có hoạt động phát triển MT xanh, sạch, đẹp + Có hoạt động gây suy giảm môi trường	25 10 0

				và có hoạt động phát triển MT xanh, sạch, đẹp + Có hoạt động gây suy giảm môi trường và không có hoạt động phát triển MT xanh, sạch, đẹp	
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch (trên địa bàn xã hoặc liên xã)	Đạt	+ Có theo quy hoạch + Không có	25 0
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	+ Được thu gom và xử lý tốt + Được thu gom và xử lý tạm thời chưa đạt theo quy định + Chưa được thu gom, xử lý	25 10 0

1.5. HỆ THỐNG – CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn (công chức, chuyên trách)	Đạt	+ Đạt chuẩn 80% trở lên + Từ 60% đến < 80% + Đạt dưới 60%	25 15 0
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	+ Có đủ + Chưa đủ	20 10 0
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã hàng năm đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	+ Trong sạch, vững mạnh + Hoàn thành tốt nhiệm vụ + Hoàn thành nhiệm vụ + Yếu kém	20 15 5 0
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	+ MTTQ đạt ≥ khá + Hội LHPN đạt ≥ khá + Hội Nông dân đạt ≥ khá + Hội CCB đạt ≥ khá + Đoàn TNCS HCM đạt ≥ khá + Công đoàn đạt ≥ khá + MTTQ đạt TB, yếu + Hội LHPN đạt TB, yếu + Hội ND đạt TB, yếu + Hội CCB đạt TB, yếu + Đoàn TNCSHCM đạt	5 5 5 5 5 5 0 0 0 0

				TB, yếu	0
				+ Công đoàn đạt TB, yếu	0
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	+ Đảm bảo tốt	25
				+ Khá	15
				+ Trung bình	5

- Đối với 20 xã tập trung đầu tư, xã nào đạt 19/19 tiêu chí trước năm 2015 thì được cộng 100 điểm/xã.

2. Tiêu chuẩn thi đua đối với cấp huyện

Các huyện, thị xã, thành phố được xét khen thưởng phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đến năm 2015, số xã tập trung đầu tư phải đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (20 xã trong toàn tỉnh) và có trên 64% số xã còn lại đạt từ 10 – 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Định kỳ báo cáo hàng tháng, quý, năm theo đúng quy định của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

III. TIÊU CHUẨN THI ĐUA ĐỐI VỚI TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN CÒN LẠI

1. Đối với tập thể:

Đạt các tiêu chuẩn sau:

- Các hoạt động nghiên cứu, phát huy sáng kiến trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, đề xuất các giải pháp hữu ích nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện huy động mọi nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hoàn chỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ. Từng bước sắp xếp lại dân cư, cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế.

- Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề theo hướng sản xuất hàng hóa; tuyên truyền, phổ biến áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

- Có cách làm mới, sáng tạo hoặc mô hình thực hiện mang lại hiệu quả rõ rệt trong xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và cộng đồng đóng góp công sức, vật chất trong công tác xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt công tác theo dõi chỉ đạo điều hành, đánh giá, báo cáo định kỳ theo quy định về tiến độ xây dựng nông thôn mới của địa phương hoặc nhiệm vụ được giao có liên quan.

2. Đối với cá nhân:

- Cán bộ, công chức, viên chức phải đạt các tiêu chuẩn sau: nỗ lực bám sát cơ sở, có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện chủ trương, quy

định, hướng dẫn hoặc chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong xây dựng nông thôn mới.

- Đối tượng khác (doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân ở trong nước và ngoài nước ...) phải đạt các tiêu chuẩn sau: có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, tình cảm, vật chất, sáng kiến vào xây dựng nông thôn mới (gắn với địa chỉ cụ thể). Riêng đối với hộ dân cư nông thôn còn phải có thêm thành tích xây dựng, cải tạo nơi ở (nhà, công trình vệ sinh, ao vườn, hàng rào) xanh, sạch, đẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường, sản xuất giỏi, có thu nhập khá và giúp đỡ cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

IV. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng sơ kết giai đoạn 2011 - 2015

- Tặng Bằng khen cho 01/08 huyện, thị xã, thành phố có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

- Tặng Bằng khen cho 01/08 xã điểm của tỉnh; là xã đạt số điểm cao nhất theo bảng điểm (thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới).

- Tặng Bằng khen cho 02/20 xã thuộc kế hoạch hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015; là 02 xã đạt số điểm cao nhất theo mỗi nhóm trong thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Tặng Bằng khen cho 04/94 xã thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo; là 04 xã đạt số điểm cao nhất theo mỗi nhóm trong thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Tặng Bằng khen cho 03 sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, đạt các tiêu chuẩn quy định tại mục 1, phần III của Quy chế này.

- Tặng Bằng khen cho 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, đạt các tiêu chuẩn quy định tại mục 2, phần III của Quy chế này (quan tâm xét khen thưởng đối với cá nhân là nông dân tiêu biểu trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới).

2. Khen thưởng tổng kết giai đoạn 2011 - 2015

a. Đối với cấp huyện và xã

+ Đối với xã:

- 02 xã xếp vị thứ nhất, nhì: Là xã đạt số điểm cao nhất trong thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua và được xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng theo quy định.

- 03 xã xếp vị trí liền kề: Là xã đạt số điểm cao liền kề trong thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng theo quy định.

Ghi chú: Đối với 20 xã thuộc kế hoạch hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 được xét khen thưởng nếu xã đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Đối với cấp huyện:

- Huyện xếp vị thứ nhất: được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua và được xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng theo quy định.

- Huyện xếp vị thứ nhì, ba: được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

b. Đối với các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp để xây dựng nông thôn mới.

- Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Bằng khen cho 05 - 07 tập thể là các Sở, ban, cơ quan và đoàn thể cấp tỉnh tiêu biểu, đạt các tiêu chuẩn quy định tại mục 1, phần III của Quy chế này.

- Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Bằng khen cho không quá 07 cá nhân thuộc các Sở, ban, cơ quan và đoàn thể cấp tỉnh tiêu biểu, đạt các tiêu chuẩn quy định tại mục 2, phần III của Quy chế này.

- Đối với hộ dân, mỗi xã nếu đạt các tiêu chí theo mốc thời gian quy định thì được chọn không quá 03 hộ dân đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen.

3. Quy trình xét chọn và đề nghị

a. Quy trình xét chọn

+ Căn cứ tiêu chuẩn quy định theo Quy chế này, các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh xét chọn, đề nghị UBND tỉnh khen thưởng.

+ Ban Chỉ đạo cấp huyện chủ trì, phối hợp với Hội đồng TĐKT cấp huyện đánh giá, bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng giúp Ban Chỉ đạo Xây dựng nông thôn mới của tỉnh, UBND tỉnh xét chọn và đề xuất khen thưởng.

b. Hồ sơ thủ tục và thời gian đề nghị

- Hồ sơ, thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng thực hiện theo Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 21/6/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng sơ kết giai đoạn 2011 - 2015 trước tháng 09/2013.

- Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết giai đoạn 2011 - 2015 trước tháng 10/2015.

4. Mức khen thưởng và kinh phí khen thưởng

a. Mức chi tiền khen thưởng

- Mức chi tiền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân được tặng Bằng khen đợt sơ kết thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ từ nguồn quỹ TĐKT của tỉnh.

- Mức chi tiền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân được tặng Cờ thi đua, Bằng khen đợt tổng kết giai đoạn 2011 - 2015: Tùy theo khả năng kinh phí, Ban Chỉ đạo tỉnh có quyết định về mức chi tiền khen thưởng.

- Tiền thưởng công trình phúc lợi kèm theo Huân chương Lao động, Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo Quyết định 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Nguồn kinh phí khen thưởng

- Nguồn kinh phí khen thưởng sử dụng từ kinh phí của tỉnh bố trí để triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 - 2015.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- UBND cấp huyện, cấp xã, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các hội đoàn thể triển khai quán triệt Quy chế này; tổ chức xét, đề nghị khen thưởng đảm bảo khách quan, đúng đối tượng, đúng thành tích.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khen thưởng sơ kết và tổng kết giai đoạn 2011 - 2015 báo cáo UBND tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh), Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh để nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. NƯ

